

A. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Tên tổ chức niêm yết:	CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN
Tên tiếng Anh:	HATIEN TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	VẬN TẢI HÀ TIÊN
Mã chứng khoán:	HTV
Địa chỉ:	296 Trần Não, P. Bình An, Quận 2, TP. HCM
Điện thoại:	08. 3.740.4061 – Fax: 08. 3740.4062
Email:	info@vantaihatien.com.vn
Website:	www.vantaihatien.com.vn
Vốn điều lệ:	131.040.000.000 VND
Ngành nghề kinh doanh:	<ul style="list-style-type: none">- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.- Bốc xếp hàng hóa.- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.
Giấy CNĐKKD:	<ul style="list-style-type: none">- Số 4103000047 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2000 - Số 0301975289 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 01 năm 2019.

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1 Việc thành lập:

Công ty CP Vận tải Hà Tiên tiền thân là Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1.

1.2 Chuyển đổi sở hữu:

Theo quyết định số 24/2000/QĐ –TTg ngày 21/01/2000 của Thủ Tướng Chính phủ, Xí nghiệp Vận tải chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được đổi tên thành Công ty CP Vận tải Hà Tiên trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

- Vào ngày 07/04/2000, Đại hội cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên được tiến hành, đã thông qua “ Điều lệ tổ chức và hoạt động” của Công ty, bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Vào ngày 24/04/2000, Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000047.



- Cấp thay đổi lần thứ nhất vào ngày 01 tháng 06 năm 2007 cho Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên, với chức năng hoạt động chính của Công ty: kinh doanh vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.
- Cấp thay đổi lần hai vào ngày 15 tháng 04 năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 48 tỷ đồng lên 100,8 tỷ đồng.
- Cấp thay đổi lần năm vào ngày 28 tháng 08 năm 2013, với chức năng hoạt động chính của Công ty: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cung ứng và quản lý nguồn lao động.
- Cấp thay đổi lần sáu vào ngày 01/12/2015, tăng vốn điều lệ từ 100.800.000.000 đồng lên 131.040.000.000 đồng.

1.3 Niêm yết:

Theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY ngày 07/12/2005, Ủy Ban chứng Khoán Nhà Nước đã quyết định chính thức cấp phép niêm yết cho Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên. Và sau đó, theo Thông báo số 791/TTGDHCM-NY ngày 27/12/2005 của Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM, ngày 05/01/2006 Công ty chính thức giao dịch 4.800.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM, với mã chứng khoán HTV.

- Theo Quyết định số 194/UBCK-GCN ngày 15/10/2007 của UBCKNN chấp thuận cho Công ty được chào bán thêm 5.280.000 cổ phiếu ra công chúng.
- Ngày 11/01/2008 Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM đã ra thông báo số 34/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 5.280.000 cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 14/9/2015 UBCKNN có thông báo chấp thuận cho Công ty được phát hành 3.024.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Ngày 05/11/2015 Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM có thông báo số 1086/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 3.024.000 cổ phần phát hành.

2. Quá trình phát triển:

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ngày một khẳng định là một trong những công ty vận tải thủy lớn nhất khu vực phía Nam. Mặt hàng vận chuyển chủ yếu của Công ty là: clinker, thạch cao, đá phụ gia, than đá... cho các khách hàng lớn như Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1, Công ty Xi măng Holcim, Công ty Xi măng Fico ... Ngoài ra, Công ty còn tham gia vận chuyển cho một số khách hàng khác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

3. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2019:

Năm 2019 là năm đầy bất ổn với kinh tế thế giới khi một số nước trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn tiếp tục lún sâu vào khủng hoảng, hầu hết các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản ... đều phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng.

Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, cùng với mục tiêu kiềm chế lạm phát trong nước.

- Trước những khó khăn trên, năm 2019 nhằm duy trì ổn định công ăn việc làm cho CBCNV, các thuyền viên, thủy thủ. Ban Tổng Giám đốc Công ty ổn định các tuyến hoạt động truyền thống, tăng cường tiết kiệm chi phí, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, rà soát công tác duy tu, sửa chữa hợp lý và tiết kiệm.
- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới về vận chuyển hàng hoá khác.
- Ngoài ra, để khai thác triệt để các tuyến đường thủy một cách có hiệu quả, Công ty vẫn đang tiếp tục tái cấu trúc phương tiện, thanh lý những sà lan cũ, không phù hợp và đầu tư đóng mới một số sà lan có tải trọng lớn phục vụ những tuyến vận chuyển có cung đường dài
- Trong năm 2019, Công ty CP Vận Tải Hà Tiên đã xây dựng kế hoạch vận chuyển 5.588.800 Tấn/ năm, tăng 371.745 tấn so với năm 2018.
- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chỉ thuê ngoài trong các trường hợp đặc biệt do yêu cầu khẩn cấp về thời gian bốc hàng, giải phóng phương tiện cũng như các mớ nước không phù hợp với phương tiện vận hành của Công ty.
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó là việc đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có, để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Áp dụng chính sách khoán tiền lương và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động, nhằm nâng cao khả năng sử dụng tối đa công suất phương tiện hiện có của Công ty.
- Dự báo trong năm 2019 Công ty sẽ khai thác triệt để công suất vận chuyển và nguồn nhân lực của Công ty để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1 Những nét nổi bật năm 2018:

- ▶ Triển khai thực hiện tốt nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
- ▶ Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2018 đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua, Hội đồng Quản trị thường xuyên kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có những chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2018.
- ▶ Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó không ngừng tự đào tạo, đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có, để có thể đảm nhận những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- ▶ Ban hành quy chế: “*Quy chế nội bộ về quản trị Công ty*”.
- ▶ Ngoài năng suất, chất lượng hiệu quả, vấn đề tiết kiệm giảm chi phí, giảm thời gian chạy tàu cho từng tuyến vận chuyển luôn được Hội đồng Quản trị quan tâm, đây là yếu tố chính giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh của Vận tải Hà Tiên.
- ▶ Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt dùng chế độ đãi ngộ người lao động có tâm huyết với Công ty.

2 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018:

Năm 2018 tiếp tục bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tình hình lạm phát trong nước vẫn còn cao. Giá nhiên liệu luôn biến động làm ảnh hưởng tới giá thành

vận chuyển. Mức tăng trưởng ngành vật liệu xây dựng không như kỳ vọng. Trong bối cảnh chung đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các giải pháp sau:

► Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để quan điểm HDQT, Ban Tổng Giám đốc, với tiêu chí: tiết kiệm chi phí, đảm bảo tốt vòng quay phương tiện, tăng doanh thu và đảm bảo đời sống CB-CNV.

► Tăng cường quan hệ chặt chẽ với khách hàng truyền thống như: Công ty CP Vicem Hà Tiên 1, Xi măng Holcim...đảm bảo giữ uy tín, chất lượng dịch vụ và tiên độ. Luôn khẳng định thương hiệu Vận tải Hà Tiên, xây dựng niềm tin đối với khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

► Bám sát, nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh để đưa ra giải pháp tối ưu nhất.

► Trong năm 2018, Công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2018	TH NĂM 2018	TỶ LỆ TH/KH (%)
1	Doanh thu thuần	Đ	208.791.293.092	219.560.737.471	105.16%
2	LN từ hoạt động kinh doanh	Đ	26.831.148.850	27.297.629.609	101.74%
3	LN từ hoạt động khác (bao gồm cả LN từ hoạt động tài chính)	Đ	3.211.991.233	6.395.826.721	199.12%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đ	30.043.140.083	33.693.456.330	112.15%
5	Thuế TNDN hiện hành	Đ	6.008.628.017	6.499.032.024	108.16%
6	Thuế TNDN hoãn lại	Đ	-	-	-
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đ	24.034.512.066	27.194.424.306	113.15%
8	Chi trả cổ tức	%	15%	15%	100%

+ Trong điều kiện thị trường cạnh tranh, nhất là về giá vận chuyển từ khối tư nhân. Đây là thách thức và áp lực thường xuyên mà Công ty phải đối mặt.

+ Về việc chi trả cổ tức năm 2018, Công ty đang chờ xin ý kiến biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với mức dự kiến 15%.

3 Định hướng nhiệm vụ năm 2019:

Năm 2019 là năm được dự báo là môi trường kinh tế thế giới có nhiều bất ổn hơn năm 2018, trong khi kinh tế trong nước vẫn đang tồn tại những vấn đề có tính cơ cấu dài hạn.

GDP trong nước dự kiến tăng trưởng 7.08% trong 2018, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng khoảng 8.85%.

Theo dự báo giá dầu thô trong năm 2019 sẽ biến động khó lường, phụ thuộc vào cân bằng cung - cầu trên thị trường dầu mỏ và xu hướng biến động giá trong năm không rõ rệt. Đây là một trong những bất lợi chính đối với vận tải thủy nội địa phía Nam bên cạnh sự

canh tranh gay gắt giữa các đơn vị vận tải khi nguồn hàng vận chuyển dự kiến tăng không đáng kể.

Trước những khó khăn trên, nhằm tiếp tục phát triển, duy trì ổn định công ăn việc làm cho người lao động, mục tiêu của Công ty là:

- Ổn định các tuyến hoạt động truyền thống, tăng cường tiết kiệm chi phí, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, quản lý công tác duy tu, sửa chữa hợp lý và tiết kiệm.
- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới.
- Để khai thác các phương tiện hiệu quả, Công ty vẫn đang tiếp tục tái cấu trúc phương tiện, đưa các sà lan có tải trọng, mớn nước phù hợp nhất với tuyến đường vận chuyển.
- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chỉ thuê ngoài trong các trường hợp cần thiết: đẩy nhanh tiến độ giải phóng tàu theo yêu cầu của khách hàng, mở rộng thị trường khi phương tiện công ty không đáp ứng yêu cầu...
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó là việc đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Áp dụng chính sách khoán tiền lương và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc.
- Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt hoạt động SXKD của Công ty sát với tình hình thực tế và đạt hiệu quả cao nhất.

Dù nhiệm vụ trước mắt còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể người lao động trong Công ty quyết tâm thực hiện thành công kế hoạch năm 2019 với mục tiêu dự kiến như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019	TỶ LỆ% SO VỚI TH NĂM 2018
1	Sản lượng	Tấn	5.217.055	5.588.800	107.12%
2	Doanh thu thuần	Đ	219.560.737.471	218.016.956.092	99.30%
3	Lợi nhuận trước thuế	-	33.693.456.330	36.030.959.700	106.94%
4	Lợi nhuận sau thuế	-	27.194.424.306	29.092.463.760	106.98%

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1 Báo cáo tình hình tài chính:

Kết quả tài chính năm 2018 của Công ty được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2018
1	Vốn điều lệ	Đồng	131.040.000.000	131.040.000.000
2	Sản lượng	Tấn	4.098.001	5.217.055
3	Tổng doanh thu	Đồng	189.356.998.200	227.182.011.175
4	Giá vốn hàng bán	-	144.036.748.026	175.367.208.209
5	Lợi nhuận trước thuế	-	26.558.938.465	33.693.456.330
6	Thuế TNDN hiện hành	-	5.193.724.021	6.499.032.024
7	Lợi nhuận sau thuế	-	21.018.411.661	27.194.424.306
8	LN trước thuế / DT thuần	%	14.66	15.35
9	LN trước thuế / vốn chủ sở hữu	-	8.28	10.22
10	LN trước thuế / tổng tài sản	-	7.04	8.61
11	Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	54.73	62.44
12	Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	-	45.27	37.56
13	Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	-	15.01	15.73
14	Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	-	84.99	84.27
15	Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu	-	17.67	18.67
16	Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	lần	3.63	3.95

Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty năm 2018 so với năm 2017:

- Sản lượng đạt 5.217.055 tấn đạt 127.31% , tăng 27.31% so với năm 2017.
- Tổng doanh thu đạt 227.182.011.175 đồng tương ứng tăng 119.98 % so với năm 2017.
- Công ty đã và đang làm tốt công tác tiếp thị tìm kiếm nguồn hàng mới, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống.
- Tăng cường công tác quản lý, điều động phương tiện, giám sát chặt chẽ việc giao nhận hàng hóa.
- Nâng cao chất lượng công tác sửa chữa phương tiện với thời gian nhanh nhất có thể.

Nhìn chung, năm 2018 mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng Ban Giám đốc Công ty đã luôn bám sát, có nhiều nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để bảo đảm ổn định thu nhập cho người lao động, từng bước kiện toàn bộ máy hoạt động SXKD của công ty.

2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, giá dầu DO có xu hướng tăng cao trong khi sự cạnh tranh trong lĩnh vực vận tải thủy nội địa khu vực phía Nam ngày càng gay gắt, nguồn hàng chính từ Xi măng Hà Tiên 1 ngày càng ít đi so với các năm trước, kế hoạch 2019 đặt ra các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Sản lượng	: 5.588.800 tấn
- Tổng doanh thu	: 222.473.326.503 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 36.030.959.700 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	: 29.092.463.760 đồng

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc năm tài chính, và sau khi đã được kiểm toán. Công ty đã lập các báo cáo tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định của Bộ Tài Chính, và theo đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành:

Bảng cân đối kế toán ngày 31.12.2018.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2018.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2018.

(Đính kèm các báo cáo tài chính của năm 2018 nêu trên)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Ý kiến của cơ quan kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty: Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt nắm giữ 65.623.610.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50.08% / vốn điều lệ Công ty.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức: HTV góp vốn 65%, tương đương 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng chẵn)
- Tình hình đầu tư vào các Công ty liên quan: không có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng Quản trị & Ban kiểm soát
- + Ban Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc)

° Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

° **Đại hội đồng cổ đông**: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ như sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát & HĐQT.
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và thông qua việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
- Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản không còn sử dụng.
- Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty CP Vận tải Hà Tiên.

° **Hội đồng Quản trị** gồm các thành viên, trong đó có 1 thành viên là Tổng Giám đốc Công ty, HĐQT là đơn vị quản lý cao nhất Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. HĐQT hoạch định chiến lược chung, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng. Hiện nay HĐQT có 4 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Hàng quý HĐQT tổ chức họp để rà soát các chỉ tiêu thực hiện trong quý vừa qua và đưa ra phương hướng hành động quý tiếp theo.

Trong năm 2018, các thành viên đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và 04 cuộc họp HĐQT định kỳ để trực tiếp, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động và đưa ra chỉ đạo kịp thời. Vì đa phần các thành viên trong HĐQT là thành viên không trực tiếp điều hành Công ty, nên các công việc cần trao đổi và xin ý kiến các thành viên trong HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định lập các Nghị quyết luân chuyển, lần lượt chuyển cho các thành viên trong HĐQT xem và có ý kiến trong bản NQ luân chuyển này. Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và trên cơ sở vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

° **Ban Kiểm soát** gồm 03 thành viên cũng không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Là bộ phận tham gia những ý kiến cụ thể cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện nay Công ty đã có trường ban kiểm soát chuyên trách.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực về mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động SXKD, trong công tác tổ chức kế toán thống kê và lập Báo cáo tài chính
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo công tác quản lý của HĐQT.
- Trình bày báo cáo hoạt động của Công ty trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty CP Vận tải Hà Tiên.
- Nơi đáng tin cậy trong việc quản lý vốn cho các cổ đông.
- o **Tổng Giám đốc** là người là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty.
- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm.
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu SXKD của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp cho người lao động trong Công ty.
- Là người chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của UBCK Nhà nước.
- Căn cứ Giấy phép Đăng ký Kinh doanh, Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật
- o **Phó Tổng Giám đốc** là những người phụ giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được giao.
- o **Kế toán trưởng** là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính – thống kê - kế toán của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tính thực hiện các chế độ quản lý tài chính của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty:

Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc

1 / Ô. TRẦN VĂN QUỲNH, Tổng Giám đốc đến ngày 01/10/2018

Sinh ngày 18/08/1973

Địa chỉ: 1/2/21 D3 Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh.

2/. Ô. ĐỖ VĂN HUÂN, Phó Tổng giám đốc, Quyền TGD kể từ ngày 01/10/2018.

Sinh ngày: 08/04/1981

Địa chỉ: 1/2/28 Đường D3, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM

Trình độ chuyên môn: kỹ sư vận tải biển

3 / Ô. HOÀNG VIỆT, Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 25.01.1961

Địa chỉ: 20 Chiêu Anh Các, Phường 5, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế.

4/ B. TRẦN THỊ LÝ, Kế toán trưởng

Sinh ngày: 21/03/1976

Địa chỉ: F18 cư xá Nguyễn Đình Chiểu, P4, Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế

Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc (tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác):

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG, THƯỞNG NĂM 2018 (đ)	GHI CHÚ
1	TRẦN VĂN QUỲNH	TGD	761.553.542	TGD đến 01/10/2018
2	ĐỖ VĂN HUÂN	PTGD/QTGD	399.107.500	QTGD từ 01/10/2018
3	HOÀNG VIỆT	PTGD	644.505.976	
4	TRẦN THỊ LÝ	KTT	458.361.520	
	CỘNG		2.263.528.538	

2 Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động:

- *Đội ngũ cán bộ, công nhân lao động (tính đến 31/12/2018):*

Tổng số: 225 người, giảm 1 người so với năm 2017

Trong đó, chia ra:

Trực tiếp: 181 người, chiếm tỷ lệ 80.44%

Gián tiếp: 44 người, chiếm tỷ lệ 19.56%

Trong đó, chia ra:

- Trên đại học: 5 người, chiếm tỷ lệ 2.22%

- Đại học và Cao đẳng: 32 người, chiếm tỷ lệ 14.22%

- Trung học chuyên nghiệp: 6 người, chiếm tỷ lệ 2.67%

- Công nhân kỹ thuật & lao động phổ thông: 182 người, chiếm tỷ lệ 80.89%

Các chính sách đối với người lao động:

➤ Chính sách tiền lương:

Áp dụng lương theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CB – CNV đúng và đầy đủ theo Quy chế lương trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

➤ Chính sách tiền thưởng:

Công ty thực hiện thưởng cho CB – CNV trên cơ sở lương chức danh công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động như: chế độ trợ cấp cho CB- CNV có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức thăm hỏi động viên gia đình người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất...

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của luật Lao động.

Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội:

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, công việc cho người lao động, công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để mọi cá thể sinh sống, làm việc, việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm tới khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề như trên, HTV có một số biện pháp bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh của HTV trong mắt khách hàng nội địa và hướng tới những đối tác nước ngoài:

- Thanh lý những sà lan cũ, trọng tải thấp, thải nhiều khí thải độc hại ra môi trường sống xung quanh.
- Đóng mới sà lan, sử dụng động cơ mới 100% với các chỉ tiêu đáp ứng tốt yêu cầu về khí thải theo các tiêu chuẩn của cục đăng kiểm.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các sà lan công ty, kịp thời phát hiện, sửa chữa những sà lan có lỗi kỹ thuật, máy móc để đảm bảo các sà lan luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không làm ảnh hưởng tới môi trường sống xung quanh.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát:

Thành phần Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:

- Ô. Nguyễn Tuấn Anh, Chủ tịch HĐQT, đến ngày 01/10/2018.
- Ô. Đỗ Văn Huân, thành viên HĐQT kiêm quyền TGD (Quyền TGD kể từ ngày 01/10/2018).
- Ô. Phạm Văn Thông, thành viên HĐQT
- Ô. Phan Trọng Lập, thành viên HĐQT, Phụ trách HĐQT (Phụ trách HĐQT kể từ ngày 01/10/2018)
- Ô. Trần Văn Quỳnh, thành viên HĐQT kiêm TGD (TGD đến ngày 01/10/2018).

Ban Kiểm soát gồm:

- B. Nguyễn Thị Kim Dung, Trưởng ban, Thành viên tính đến ngày 23/04/2018
- Ô. Trần Minh Huy Trưởng ban, Thành viên kể từ ngày 23/04/2018
- Ô. Phạm Thế Nghĩa, Ủy viên, Thành viên
- B. Nguyễn Thị Huệ, Ủy Viên, Thành viên

Tóm tắt lý lịch Tổng giám đốc và quyền Tổng Giám Đốc:

Ông Trần Văn Quỳnh – Tổng Giám đốc đến ngày 01/10/2018

Giới tính: Nam

Ngày, tháng năm sinh: 18/8/1973

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 022977369 cấp ngày 21/11/2008 tại Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 1/2/21D3- P. 25- Quận Bình Thạnh - TPHCM

Điện thoại liên lạc: 0913.809.304

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 4.1995 – 4.1997: Nhân viên đại lý hàng hải và giao nhận – Công ty Đại lý Dịch vụ hàng hải và Thương mại
- Từ 5.1997-7.2001: Nhân viên phòng cung ứng – Công ty Liên doanh Xi măng Sao Mai (hiện nay là Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam)
- Từ 7.2001 -5.2003: Nhân viên phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 5.2003-12.2004: Phó phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 01.2005 – 12.2008: Phó phụ trách phòng Vật tư – Thiết bị công trình Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 01.2009-01.2011: Trưởng phòng Vật tư – Thiết bị công trình Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 01.2011 – 4.2014: Trưởng phòng Vật tư – Chuỗi cung ứng Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 04.2014 – 6.2015: Trưởng phòng chiến lược phát triển và XD/CB Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1
- Từ ngày 07.2015-02.2016: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.
- Từ ngày 03.2016 – 10/2018: thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên
- Từ 10/2018- nay: thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên
- Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm: 07/03/2019
- Cá nhân sở hữu: 0 cp, chiếm tỷ lệ 0,00% /VĐL

Ông Đỗ Văn Huân – Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 01/10/2018:

Giới tính: Nam

Ngày, tháng năm sinh: 08/04/1981

Nơi sinh: Thái Bình

Số CMND: 151291700 cấp ngày 04/03/2014 tại Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã An Ninh, huyện Tiền Hải - tỉnh Thái bình

Địa chỉ thường trú: 1/2/28 đường D3- P. 25- Quận Bình Thạnh - TPHCM

Điện thoại liên lạc: 0904434757

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tổ chức quản lý vận tải

Quá trình công tác:

- Từ năm 2006 đến năm 2007: Trưởng phòng đại lý tàu biển Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC.
 - Từ năm 2007 đến năm 2008: Trưởng phòng khai thác tàu biển Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC
 - Từ năm 2008 đến năm 2009: Phó giám đốc công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC
 - Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên phòng đại lý tàu biển Công ty Cổ phần Gemadept.
 - Từ năm 2010 đến năm 2011: Phó phòng khai thác tàu biển Vinalines Hồ Chí Minh.
 - Từ năm 2011 đến năm 2012: Giám đốc vận tải bộ Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC
 - Từ 20/04/2012–31/01/2013: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải Hà Tiên.
 - Từ 01/02-21/03/2013: Thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.
 - Từ ngày 22/ 03/2013 đến 03/2016: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty, giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Hà Tiên
 - Từ 03/2016 đến 23/04/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên
 - Từ 23/04/2018 -30/09/2018: Thành viên Hội đồng quản trị, giữ chức Phó TGD Công ty CP Vận tải Hà Tiên.
 - Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018: Thành viên Hội đồng quản trị, giữ chức vụ Quyền TGD Công ty CP Vận tải Hà Tiên.
- Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY: Thành viên HĐQT giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Hà Tiên

Chức vụ hiện nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm: 07/03/2019
- Cá nhân sở hữu: 2.600cp, chiếm tỷ lệ 0,0198.% / VDL

2 Thù lao của HĐQT, BKS Công ty trong năm 2018 được tổng hợp như sau:

Ô. Nguyễn Tuấn Anh,	Chủ tịch HĐQT,	63.600.000 đ (đến 01/10/2018)
Ô. Phạm Văn Thông,	Ủy viên HĐQT,	48.000.000 đ
Ô. Đỗ Văn Huân,	Ủy Viên HĐQT,	48.000.000 đ
Ô. Trần Văn Quỳnh,	Ủy viên HĐQT,	48.000.000 đ
Ô. Phan Trọng Lập,	Phụ trách HĐQT,	54.000.000 đ (PT HĐQT kể từ 01/10/2018)
B. Nguyễn Thị Kim Dung,	Trưởng BKS,	20.000.000 đ (đến 23/04/2018)
Ô. Trần Minh Huy,	Trưởng BKS	121.081.579 đ (kể từ 23/04/2018)
B. Nguyễn Thị Huệ,	Ủy Viên BKS	36.000.000 đ
Ô. Phạm Thế Nghĩa,	Ủy viên BKS	36.000.000 đ
TỔNG CỘNG		474.681.579 đ

3 Cơ cấu vốn cổ đông:

Tình hình cơ cấu cổ đông của Công Ty được tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

TT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam đại diện)	6.562.361	50,08
2	Vốn góp của cá nhân khác	6.541.639	49,92
3	Cổ phiếu quỹ	0	0
	TỔNG CỘNG	13.104.000	100,00

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.

Kính báo cáo.

TỔNG GIÁM ĐỐC ✓

ĐỖ VĂN HUÂN

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Mã số	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	244.197.945.018	206.538.411.597
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	12.634.926.071	23.477.589.455
111	1. Tiền	8.634.926.071	8.477.589.455
112	2. Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	15.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	102.800.968.000	86.861.176.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	20.990.879.270	20.990.879.270
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(6.189.911.270)	(4.129.703.270)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	88.000.000.000	70.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	127.477.157.685	91.103.814.998
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	126.275.331.062	89.451.954.496
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	568.568.000	323.100.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	2.072.083.513	2.266.639.889
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.438.824.890)	(937.879.387)
140	IV. Hàng tồn kho	1.093.123.689	734.065.118
141	1. Hàng tồn kho	1.093.123.689	734.065.118
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	191.769.573	4.361.766.026
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	191.769.573	4.361.766.026
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	146.922.075.122	170.805.694.208
220	I. Tài sản cố định	133.922.075.122	157.805.694.208
221	1. Tài sản cố định hữu hình	133.922.075.122	157.805.694.208
222	Nguyên giá	261.151.918.264	261.392.368.499
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(127.229.843.142)	(103.586.674.291)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	13.000.000.000	13.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.000.000.000	13.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	391.120.020.140	377.344.105.805
	NGUỒN VỐN		
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	61.541.944.600	56.664.238.741
310	I. Nợ ngắn hạn	61.541.944.600	56.664.238.741
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	47.896.347.116	42.967.889.727
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.291.048.756	1.774.032.136
314	3. Phải trả người lao động	8.895.158.098	5.530.000.222
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	165.000.000	386.271.656
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	1.234.899.964	935.320.070
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.059.490.666	5.070.724.930
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	329.578.075.540	320.679.867.064
410	I. Vốn chủ sở hữu	329.578.075.540	320.679.867.064

411	1. Vốn cổ phần	131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	131.040.000.000	131.040.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	53.070.783.332	53.070.783.332
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	117.000.238.488	114.353.432.657
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28.467.053.720	22.215.651.075
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	1.272.629.414	1.197.239.414
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm	27.194.424.306	21.018.411.661
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	391.120.020.140	377.344.105.805

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	219.560.737.471	181.181.923.616
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(175.367.208.209)	(144.036.748.026)
Lợi nhuận gộp	44.193.529.262	37.145.175.590
Doanh thu hoạt động tài chính	7.621.273.704	8.175.074.584
Chi phí tài chính	(2.060.208.000)	(4.148.069.937)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	-	(18.366.667)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(16.895.899.653)	(15.182.975.485)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.858.695.313	25.989.204.752
Thu nhập khác	940.087.905	2.143.219.689
Chi phí khác	(105.326.888)	(1.573.485.976)
Lợi nhuận khác	834.761.017	569.733.713
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.693.456.330	26.558.938.465
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(6.499.032.024)	(5.193.724.021)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(346.802.783)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.194.424.306	21.018.411.661

3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	33.693.456.330	26.558.938.465
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Khấu hao tài sản cố định	23.914.109.086	17.242.259.403
Dự phòng	2.561.153.503	4.333.170.212
Lãi từ hoạt động đầu tư	(7.621.273.704)	(8.175.074.584)
Chi phí lãi vay	-	18.366.667
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	52.547.445.215	39.977.660.163
Tăng các khoản phải thu	(32.570.314.737)	(9.780.720.997)
Tăng hàng tồn kho	(359.058.571)	(551.341.172)
Tăng các khoản phải trả	13.703.341.400	14.065.015.975
Tiền lãi vay đã trả	-	(18.366.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.969.918.672)	(4.649.766.198)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(5.582.650.094)	(4.340.769.670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20.768.844.541	34.701.711.434
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua tài sản cố định	(5.600.222.869)	(98.220.013.227)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(174.000.000.000)	(107.138.263.889)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	156.000.000.000	122.138.263.889
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(13.000.000.000)
Thu nhập từ bán các khoản đầu tư trong đơn vị khác	-	1.500.000.000
Tiền lãi nhận được	7.711.273.704	10.092.074.584
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(15.888.949.165)	(84.627.938.643)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền vay ngắn hạn	-	76.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	-	(76.000.000.000)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	(15.722.558.760)	(15.726.661.430)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	(15.722.558.760)	(15.726.661.430)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	(10.842.663.384)	(65.652.888.639)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	23.477.589.455	89.130.478.094
Tiền và tương đương tiền cuối năm	12.634.926.071	23.477.589.455

C. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (gọi tắt là Công ty)

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần**

2. **Lĩnh vực kinh doanh:**

Dịch vụ và thương mại.

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước; kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không

II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.**

Năm 2018 là năm tài chính thứ 19 của Công ty.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng kế toán doanh nghiệp Việt Nam.**

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:**

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng: Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính**

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:**

- **Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công Ty phải bỏ ra để có được tài sản cố

định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203 / 2009 / TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH: SỐ NĂM

Nhà cửa, vật kiến trúc:	5-10 năm
Máy móc thiết bị:	6 năm
Phương tiện vận tải bộ:	6 năm
Phương tiện vận tải thủy:	10 năm
Thiết bị văn phòng:	3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả, trích trước, chi phí sửa chữa lớn:

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.
- Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa TSCĐ. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu
- Tiền lãi và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được từ lợi ích kinh tế và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm, khi tỷ lệ cổ tức được công bố. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông có quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu, trích lập các quỹ:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế được các cổ đông đã đầu tư
- Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận phần chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và các quy định khác của Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trong trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

16. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	127.211.805	764.717.415
Tiền gửi ngân hàng	8.507.714.266	7.712.872.040
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	12.634.926.071	23.477.589.455

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân từ 5,5%/năm.

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN:

17.1. Chứng khoán kinh doanh:

	VND	
Đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc đầu tư	20.990.879.270	20.990.879.270
Dự phòng giảm giá trị	<u>(6.189.911.270)</u>	<u>(4.129.703.270)</u>
Giá trị ghi sổ	<u>14.800.968.000</u>	<u>16.861.176.000</u>

17.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc đầu tư	Giá trị ghi sổ	Giá gốc đầu tư	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<u>88.000.000.000</u>	<u>88.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc trên ba tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 5,2% đến 7,8%/năm.

18. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	87.804.837.121	72.613.382.370
Phải thu từ khách hàng khác	<u>38.470.493.941</u>	<u>16.838.572.126</u>
TỔNG CỘNG	126.275.331.062	89.451.954.496
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(1.438.824.890)</u>	<u>(937.879.387)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>124.836.506.172</u>	<u>88.514.075.109</u>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	937.879.387	734.412.445
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	<u>500.945.503</u>	<u>203.466.942</u>
Số cuối năm	<u>1.438.824.890</u>	<u>937.879.387</u>

19. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu	1.110.000.000	1.200.000.000
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	270.000.000	390.000.000
Phải thu khác	692.083.513	676.639.889
TỔNG CỘNG	2.072.083.513	2.266.639.889

20. HÀNG TỒN KHO:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhiên liệu và vật liệu	1.086.613.484	688.282.785
Công cụ, dụng cụ	6.510.205	45.782.333
TỔNG CỘNG	1.093.123.689	734.065.118

21. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH:

	VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải đường thủy	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	2.439.850.094	255.672.878.477	3.279.639.928	261.392.368.499
Mua trong năm	-	-	30.490.000	30.490.000
Thanh lý, nhượng bán	(235.917.509)	-	(35.022.726)	(270.940.235)
Số dư cuối năm	2.203.932.585	255.672.878.477	3.275.107.202	261.151.918.264
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.900.220.043	28.332.811.006	1.238.339.929	31.471.370.978
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	(2.165.855.657)	(99.454.772.514)	(1.966.046.120)	(103.586.674.291)
Khấu hao trong năm	(60.878.064)	(23.516.947.804)	(336.283.218)	(23.914.109.086)
Thanh lý, nhượng bán	(235.917.509)	-	(35.022.726)	(270.940.235)
Số dư cuối năm	(1.990.816.212)	(122.971.720.318)	(2.267.306.612)	(127.229.843.142)
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	273.994.437	156.218.105.963	1.313.593.808	157.805.694.208
Số dư cuối năm	213.116.373	132.701.158.159	1.007.800.590	133.922.075.122

22. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON:

Tên công ty	Lĩnh vực hoạt động	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Giá gốc đầu tư (VND)	Sở hữu (%)
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức	Đầu tư bất động sản, xây dựng	Đang hoạt động	13.000.000.000	65

23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	47.354.096.297	42.471.206.613
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	25.281.289.795	15.161.746.166
- Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt	2.360.467.908	4.606.193.145
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Huy Hiền	599.244.131	5.945.000.000
- Phải trả đối tượng khác	19.113.094.463	16.758.267.302
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	542.250.819	496.683.114
TỔNG CỘNG	47.896.347.116	42.967.889.727

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC:

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.715.058.969	6.499.032.024	(6.969.918.672)	1.244.172.321
Thuế thu nhập cá nhân	58.973.167	581.220.131	(593.316.863)	46.876.435
Thuế giá trị gia tăng	-	5.655.990.732	(5.655.990.732)	-
Khác	-	617.857.088	(617.857.088)	-
TỔNG CỘNG	1.774.032.136	13.354.099.975	(13.837.083.355)	1.291.048.756

25. **PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC:**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	405.368.488	15.533.562
Nhận ký quỹ, ký cược	306.000.000	362.000.000
Kinh phí công đoàn	76.324.600	193.266.094
Cổ tức phải trả	3.682.010	1.440.770
Các khoản phải trả, phải nộp khác	443.524.866	363.079.644
TỔNG CỘNG	<u>1.234.899.964</u>	<u>935.320.070</u>

26. **QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI:**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.070.724.930	7.341.193.869
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh 15.1)	2.571.415.830	2.070.300.731
Sử dụng quỹ trong năm	(5.582.650.094)	(4.340.769.670)
Số cuối năm	<u>2.059.490.666</u>	<u>5.070.724.930</u>

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU:

27.1. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu:

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	109.522.730.952	23.823.041.850	317.456.556.134
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.018.411.661	21.018.411.661
Cổ tức công bố	-	-	-	(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ	-	-	4.830.701.705	(4.830.701.705)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.070.300.731)	(2.070.300.731)
Số cuối năm	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	22.215.651.075	320.679.867.064
Năm nay					
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	22.215.651.075	320.679.867.064
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	27.194.424.306	27.194.424.306
Cổ tức công bố	-	-	-	(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ	-	-	2.646.805.831	(2.646.805.831)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.571.415.830)	(2.571.415.830)
Số cuối năm	131.040.000.000	53.070.783.332	117.000.238.488	28.467.053.720	329.578.075.540

27.2. Chi tiết nguồn vốn chủ sở hữu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và
ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Số lượng cổ phiếu thường	Giá trị (VND)	% sở hữu
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	6.562.361	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	6.541.639	65.416.390.000	49,92
TỔNG CỘNG	13.104.000	131.040.000.000	100,00

27.3 Cổ phiếu:

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

27.4 Cổ tức:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	15.724.800.000	15.724.800.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	15.722.558.760	15.726.661.430
Trong năm, Công ty đã công bố chi trả cổ tức năm 2017 tại mức 12% mệnh giá bằng tiền theo NQ của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên phê duyệt ngày 23 tháng 4 năm 2018.		

28. DOANH THU:

28.1 Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu vận tải đường thủy	215.440.374.956	166.769.940.986
Doanh thu cho thuê kho	1.450.909.092	1.214.545.449
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	1.259.915.158	2.270.966.843
Doanh thu vận tải đường bộ	850.872.885	9.052.909.249
Doanh thu buôn bán vật liệu xây dựng	459.665.380	1.873.561.089
Doanh thu khác	99.000.000	-
TỔNG CỘNG	219.560.737.471	181.181.923.616

Trong đó:

Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	133.275.485.796	130.712.709.193
Doanh thu đối với các bên khác	86.285.251.675	50.469.214.423

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.994.793.704	7.090.754.584
Cổ tức nhận được	1.626.480.000	1.084.320.000
TỔNG CỘNG	<u>7.621.273.704</u>	<u>8.175.074.584</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.060.208.000	4.129.703.270
Chi phí lãi vay	-	18.366.667
TỔNG CỘNG	<u>2.060.208.000</u>	<u>4.148.069.937</u>

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.515.940.595	6.959.026.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.251.205.930	2.941.840.275
Chi phí khấu hao tài sản	397.161.282	310.589.078
Chi phí khác	4.731.591.846	4.971.519.724
TỔNG CỘNG	<u>16.895.899.653</u>	<u>15.182.975.485</u>

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.037.302.585	88.358.227.699
Chi phí nhân viên	41.997.390.465	33.442.578.197
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	24.582.713.880	15.079.294.999
Chi phí khấu hao tài sản (Thuyết minh số 9)	23.914.109.086	17.242.259.403
Chi phí khác	4.731.591.846	5.097.363.213
TỔNG CỘNG	<u>192.263.107.862</u>	<u>159.219.723.511</u>

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.499.032.024	5.193.724.021
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	346.802.783
TỔNG CỘNG	<u>6.499.032.024</u>	<u>5.540.526.804</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>33.693.456.330</u>	<u>26.558.938.465</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	6.738.691.266	5.311.787.693
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	85.636.758	445.603.111
Cổ tức nhận được	(325.296.000)	(216.864.000)
Chi phí thuế TNDN	<u>6.499.032.024</u>	<u>5.540.526.804</u>

32.2 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN:

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	117.572.863.776	97.774.318.238
		Cổ tức nhận được	1.626.480.000	1.084.320.000
		Mua hàng hóa	-	1.828.233.000
		Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	1.500.000.000
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	15.702.622.020	11.120.736.687
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	7.874.833.200	7.874.833.200
		Phí tư vấn	1.097.803.687	905.909.617
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	21.817.654.268
		Thu tiền phạt	-	2.098.810.320

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Ban Tổng Giám đốc	537.905.000	696.000.000
Hội đồng Quản trị	261.600.000	504.000.000
Ban Kiểm soát	92.000.000	156.000.000
	891.505.000	1.356.000.000

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày như sau:

		VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:				
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	83.459.886.040	65.003.923.021
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.344.951.081	6.929.202.182
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	680.257.167
			87.804.837.121	72.613.382.370
Phải trả người bán ngắn hạn:				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn	365.643.829	496.683.114
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Công ty cùng Tổng Công ty	Phí dịch vụ	176.606.990	-
			542.250.819	496.683.114

34. CÁC CAM KẾT:

Cam kết thuê hoạt động:

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	921.193.280	1.561.193.280
Từ 1 đến 5 năm	250.497.200	1.171.690.480
TỔNG CỘNG	1.171.690.480	2.732.883.760

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM:

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Đỗ Văn Huân



